

Số:35 /BC-TrTH

Sam Mứn, ngày 28 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024-2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Yên Cang (Yen Cang Primary School)

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Bản Càng xã Sam Mứn - huyện Điện Biên - Tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0903478368

Địa chỉ thư điện tử: thyencang@gmail.com

Trang thông tin điện tử: thyencang.pgdhuyendienbien.edu.vn

Trang Web: <http://thyencang.huyendienbien.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên tốt.

4.2. Tầm nhìn:

Trường Tiểu học Yên Cang có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2025, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

4.3.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

4.3.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 100%.

4.3.3. Chất lượng học sinh:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%;

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;

Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

4.3.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định, và xây dựng một số tiêu chí của thư viện tiên tiến; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Yên Cang xã Sam Mứn được thành lập ngày 25 tháng 9 năm 1996 theo Quyết định số 603/QĐ-UB-TC của UBND tỉnh Lai Châu. Trường được thành lập trên cơ sở chia tách các bậc học từ trường Phổ thông cơ sở xã Sam Mứn. Trong những năm qua nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong phong trào giáo dục và đào tạo chung của các trường trong huyện, là địa chỉ đáng tin cậy về chất lượng giáo dục.

Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng đầy đủ các yêu cầu dạy và học trong giai đoạn mới và việc thực hiện CTGDPT 2018. Trường có khuôn viên đẹp, khu nhà vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, sân chơi, bãi tập của trường đáp ứng phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục. Thư viện đảm bảo các tiêu chuẩn của thư viện đạt chuẩn. Thiết bị đồ dùng dạy học phục vụ cho việc dạy-học của giáo viên và học sinh đầy đủ; có các phòng học bộ môn và phòng chức năng đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, học tập của CB, GV, NV và học sinh.

Nhà trường không ngừng quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ. Cán bộ quản lý và giáo viên, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp quản lý và dạy học, đổi mới việc kiểm tra, đánh giá học sinh. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động trải nghiệm, làm tốt công tác truyền thông, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Trường Tiểu học Yên Cang tự đánh giá chất lượng nhà trường nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục để cha mẹ học sinh yên tâm khi cho con em mình đến học tại trường. Qua tự đánh giá chất lượng nhà trường biết mình đang ở cấp độ nào? Uy tín của nhà trường với cha mẹ học sinh, với địa phương, với nhân dân, với ngành GD&ĐT đến đâu? Từ đó biết rõ thực trạng của nhà trường để có những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

Trường tiểu học Yên Cang là đơn vị được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2007. Từ đó đến nay, trường vẫn duy trì giữ vững các tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Đã hoàn thành công tác kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 năm 2022.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Trần Danh Tương
 - Chức vụ: Hiệu trưởng
 - Địa chỉ làm việc: Trường Tiểu học Yên Cang xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 0903478368
 - Gmail: tuong8368@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

Theo Quyết định số 603/QĐ-UB-TC, ngày 25 tháng 9 năm 1996 của UBND tỉnh Lai Châu.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

Theo quyết định số 2986/QĐ-PGDĐT ngày 13/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên V/v thành lập Hội đồng trường của trường Tiểu học Yên Cang xã Sam Mứn nhiệm kỳ 2023-2028;

Danh sách hội đồng trường:

1. Ông Trần Danh Tương - Hiệu trưởng – Bí thư chi bộ.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Phó Chủ tịch UBND xã Sam Mứn.
3. Bà Nguyễn Thị Thủy - Phó Hiệu trưởng – Chủ tịch công đoàn trường.
4. Bà Lò Thị Thanh Mai – Giáo viên đại diện tổ chuyên môn.
5. Ông Lò Văn Ún - Đại diện Ban đại diện cha mẹ học sinh.
6. Ông Vũ Tiến Thanh - Giáo viên đại diện tổ chuyên môn;
7. Bà Lương Thị Chôm – GV – Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
8. Bà Vũ Thị Thảo - Giáo viên đại diện tổ chuyên môn.
9. Bà Nguyễn Thị Hiền – Nhân viên kế toán đại diện tổ Văn phòng.

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Điện Biên.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: QĐ số 345/QĐ-UBND ngày 26 tháng 1 năm 2022 của UBND huyện Điện Biên.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 17 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

- + Tổ chức Công đoàn có 19 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 143 đội viên và nhi đồng.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 2 tổ chuyên môn

đ. Theo Quyết định số 603/QĐ-UB-TC, ngày 25 tháng 9 năm 1996 của UBND tỉnh Lai Châu.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Trần Danh Tương	Hiệu trưởng	0903478368	tuong8368@gmail.com
2	Nguyễn Thị Thủy	P. hiệu trưởng	0367546166	nguyenthuy972@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

Tổng số 19 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Phó HT	01	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	07	
2	Giáo viên TH hạng III	10	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thư viện,	Kiểm nhiệm	

	Thiết bị		
2	Vị trí việc làm Y tế học đường	0	
3	Vị trí việc làm Kế toán viên	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	Hợp đồng
2	Nhân viên phục vụ	0	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính

- Trung tâm có diện tích là 3426,6 m²/215 học sinh, trung bình đạt 15,9 m²/học sinh.

Đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thông và hoạt động Đội; phòng Khoa học công nghệ. Các phòng có đầy

đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo kích thước, diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Phòng Tin học có tổng số 15 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

Hàng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu với Ban lãnh đạo Phòng GD&ĐT đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

Sách Pháp luật gồm: có 23 đầu sách 38 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường; Tài liệu tham khảo và sách dùng cho giáo viên giảng dạy 337 đầu sách với 750 cuốn

Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục - Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

***Đánh giá theo từng tiêu chí**

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (X) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	-

Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	-
Tiêu chí 3.4		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục		x	
2. Đảm bảo 100% cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.		x	

3. Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.		X	
4. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	X		
5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện KTXH tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.		X	

Kết quả: Không Đạt mức 4.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

* Ngày 11 tháng 01 năm 2023 nhà trường được Sở GD&ĐT ra Quyết định số 21/QĐ-SGDĐT V/v công nhận đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và Quyết định số 74/QĐ-UBND tỉnh Điện Biên V/v công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2023-2024 nhà trường có tổng số **225** học sinh, số học sinh nữ là 104 em chiếm 46,2%. Có **09** lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 25 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số là 198 chiếm 88% số học sinh toàn trường, Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 225/225 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 02 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

* **Khối 1, 2, 3, 4 (HS được đánh giá theo TT27/2020)**

- GV dạy lớp 1,2, 3, 4 quan tâm đến việc đánh giá thường xuyên sự hình thành và phát triển 3 năng lực chung, 7 năng lực đặc thù cho học sinh.

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Tổng cộng		
Tổng số học sinh		51		31		51		45		178		
HS Khuyết tật		0		1		0		1		2		
HS được đánh giá		51		31		51		45		178		
Môn học	MD Đ	TS	TL %	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL %	
1. Tiếng Việt	HTT	39	76,4 7	22	70,97	42	82,35	30	66,7	133	74,7	
	HT	11	21,5 7	9	29,03	9	17,65	15	33,3	44	24,8	
	CHT	1	1,96	0		0		0		1	0,5	
2. Toán	HTT	40	78,4 3	23	74,2	36	70,6	29	64,4	128	71,9	
	HT	10	19,6 1	8	25,8	15	29,4	16	35,6	49	27,6	
	CHT	1	1,96	0		0		0		1	0,5	
3. Ngoại ngữ 1	HTT					35	68,6	28	62,2	63	63,6	
	HT					16	31,4	17	38	33	36,4	
	CHT					0		0				
4. Đạo đức	HTT	37	72,6	23	74,2	40	78,4	31	68,9	131	73,6	
	HT	14	27,4	8	25,8	11	21,6	14	31,1	47	26,4	
	CHT	0		0		0						
5. TN&XH	HTT	36	70,6	23	74,2	38	74,5			97	72,9	
	HT	15	29,4	8	25,8	13	25,5			36	27,1	
	CHT	0		0		0						
6. Khoa học	HTT							32	71,1	32	71,1	
	HT							13	28,9	13	28,9	
	CHT							0		0		
7. LS&ĐL	HTT							30	66,7	30	66,7	
	HT							15	33,3	15	33,3	
	CHT							0		0		
Nghệ thuật	8. Âm nhạc	HTT	39	76,5	21	67,7	37	72,55	30	66,7	127	71,4
		HT	12	23,5	10	32,3	14	27,45	15	33,3	51	28,6
		CHT	0		0		0		0			
	9. Mĩ Thuật	HTT										
		HT										
		CHT										
10. GDTC	HTT	38	74,5	23	74,2	38	74,5	30	66,7	129	72,5	
	HT	13	25,5	8	25,8	13	25,5	15	33,3	49	27,5	
	CHT	0		0		0		0		0		

11. Tin học	HTT					36	70,6	33	73,3	69	71,9
	HT					15	29,4	12	27	27	28,1
	CHT					0				0	
12. Công nghệ	HTT					36	70,6	33	73,3	69	71,9
	HT					15	29,4	12	27	27	28,1
	CHT					0					
13. HĐTN	HTT	37	72,5	22	71	39	76,5	31	69	129	72,5
	HT	14	27,5	9	29	12	23,5	14	31	49	27,5
	CHT	0		0		0		0		0	

* **Khối 5:** (Theo thông tư 22/2016)

Khối lớp		Khối 5				Tổng cộng	
TS học sinh							
HS Khuyết tật							
HS được đánh giá							
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%		
1. Tiếng Việt	HTT	12	25,5	12	25,5		
	HT	35	74,5	35	74,5		
	CHT	0		0			
2. Toán	HTT	12	25,5	12	25,5		
	HT	35	74,5	35	74,5		
	CHT	0		0			
3. Tiếng Anh	HTT	21	44,7	21	44,7		
	HT	26	55,3	26	55,3		
	CHT	0		0			
4. Đạo đức	HTT	29	61,7	29	61,7		
	HT	18	38,3	18	38,3		
	CHT	0		0			
5. Khoa học	HTT	26	55,3	26	55,3		
	HT	21	44,7	21	44,7		
	CHT	0		0			
6. LS&ĐL	HTT	24	51,1	24	51,1		
	HT	23	48,9	23	48,9		
	CHT	0		0			
7. Âm nhạc	HTT	22	46,8	22	46,8		
	HT	25	53,2	25	53,2		
	CHT	0		0			
8. Mỹ thuật	HTT	19	40,4	19	40,4		
	HT	28	59,6	28	59,6		
	CHT	0		0			
9. TC/KT	HTT	22	46,8	22	46,8		
	HT	25	53,2	25	53,2		

	CHT	0		0	
10. Tin học	HTT	22	46,8	22	46,8
	HT	25	53,2	25	53,2
	CHT	0		0	
11. GDTC (Thẻ dực)	HTT	27	57,45	27	57,45
	HT	20		20	
	CHT	0	42,55	0	42,55

* Những phẩm chất chủ yếu:

* Khối 1, 2, 3, 4:

Các phẩm chất	Mức đạt được	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Tổng cộng	
		Tổng số HS 51		Tổng số HS 31		Tổng số HS 51		Tổng số HS 45		Tổng số HS 178	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
1. Yêu nước	Tốt	51	100	31	100.0	51	100.0	45	100.0	178	100
	Đạt	0									
	CCG	0									
2. Nhân ái	Tốt	51	100	31	100.0	50	98.0	45	100.0	177	99.4
	Đạt	0				1	2.0			1	0.6
	CCG	0									
3. Chăm chỉ	Tốt	39	76.5	21	67.7	32	62.7	28	62.2	120	67.4
	Đạt	12	23.5	10	32.3	19	37.3	17	37.8	58	32.6
	CCG										
4. Trung thực	Tốt	39	76.5	21	67.7	42	82.4	37	82.2	139	78.1
	Đạt	12	23.5	10	32.3	9	17.6	8	17.8	39	21.9
	CCG										
5. Trách nhiệm	Tốt	37	72.5	21	67.7	36	70.6	33	73.3	127	71.3
	Đạt	14	27.5	10	32.3	15	29.4	12	26.7	51	28.7

	CCG									
--	-----	--	--	--	--	--	--	--	--	--

* **Khối 5:** (Theo thông tư 22/2016)

Các phẩm chất	Mức đạt được	Khối 5		Tổng cộng	
		Tổng số HS 47		Tổng số HS 47	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
1. Chăm học chăm làm	Tốt	33	70.2	33	70.2
	Đạt	14	29.8	14	29.8
	CCG				
2. Tự tin, trách nhiệm	Tốt	34	72.3	34	72.3
	Đạt	13	27.7	13	27.7
	CCG				
3. Trung thực kỉ luật	Tốt	36	76.6	36	76.6
	Đạt	11	23.4	11	23.4
	CCG				
4. Đoàn kết yêu thương	Tốt	38	80.9	38	80.9
	Đạt	9	19.1	9	19.1
	CCG				

* **Những năng lực cốt lõi:**

* **Khối 1, 2, 3, 4:**

Năng lực	Mức đạt được	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Tổng cộng	
		Tổng số HS 51		Tổng số HS 31		Tổng số HS 51		Tổng số HS 45		Tổng số HS 178	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Năng lực chung											
1. Tự chủ và tự học	Tốt	27	72,5	23	74,2	34	66,7	29	64,4	123	69,1
	Đạt	14	27,5	8	25,8	17	33,3	16	35,6	55	30,9
	CCG	0		0		0		0			
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	40	78,4	21	67,7	36	70,6	30	66,7	127	71,3
	Đạt	11	21,6	10	32,3	15	29,4	15	33,3	51	28,7
	CCG	0		0		0					
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	36	70,6	21	67,7	31	60,8	28	62,2	116	65,2
	Đạt	15	29,4	10	32,3	20	39,2	17	37,8	62	34,8
	CCG	0		0		0		0		0	

Năng lực đặc thù											
1. Ngôn ngữ	Tốt	39	76.5	22	71	42	82.4	30	66.7	133	74.7
	Đạt	11	21.5	9	29	9	17.6	15	33.3	44	24.7
	CCG	1	2							1	0.6
2. Tính toán	Tốt	38	74.5	23	74.2	36	70.6	29	64.4	126	70.8
	Đạt	12	23.5	8	25.8	15	29.4	16	35.6	51	28.7
	CCG	1	2							1	0.6
3. Khoa học	Tốt	36	70.6	21	67.7	36	70.6	32	71.1	125	70.2
	Đạt	15	29.4	10	32.3	15	29.4	13	28.9	53	29.8
	CCG										
4. Thẩm mỹ	Tốt	37	72.5	21	67.7	36	70.6	33	73.3	127	71.3
	Đạt	14	27.5	10	32.3	15	29.4	12	26.7	51	28.7
	CCG										
5. Thể chất	Tốt	39	76.5	22	71	38	74.5	31	68.9	130	73.0
	Đạt	12	23.5	9	29	13	25.5	14	31.1	48	27.0
	CCG										
6. Công nghệ	Tốt	39	76.5	22	71	36	70.6	31	68.9	128	71.9
	Đạt	12	23.5	9	29	15	29.4	14	31.1	50	28.1
	CCG										
7. Tin học	Tốt	39	76.5	22	71	36	70.6	33	73.3	130	73.0
	Đạt	12	23.5	9	29	15	29.4	12	26.7	48	27.0
	CCG										

* **Khối 5:** (Theo thông tư 22/2016)

Năng lực	Mức đạt được	Khối 5	
		Tổng số HS 47	
		SL	Tỉ lệ
1. Tự phục vụ, tự quản	Tốt	33	70.2
	Đạt	14	29.8
	CCG		

2. Hợp tác	Tốt	31	66
	Đạt	16	34
	CCG		
3. Tự học, giải quyết vấn đề	Tốt	30	63.8
	Đạt	17	36.2
	CCG		

- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp: 224/225 đạt 99,6%
- Tỷ lệ học sinh HTCTTH: 47/47 em đạt 100%
- Học sinh XS: 55/225 em, đạt 24,4 %
- HS tiêu biểu, VT: 87/225 em, đạt 38,7%

Cuộc thi Tiếng Anh IOE: cấp trường 06 HS đạt giải; cấp huyện 03 HS đạt giải; cấp tỉnh 01 HS đạt giải; 03 HS tham gia thi IOE cấp quốc gia.

Cuộc thi Giao lưu Toán, Tiếng Việt, Toán trên mạng: Cấp trường: 16 HS đạt chứng nhận và đạt giải; cấp huyện 06 HS đạt giải; cấp Tỉnh 02 em đạt giải.

HS tham gia thi giao lưu Toán, TV đạt giải 07 em.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 47/47 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

1. Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 28.168.969 đồng;
- Dự toán được giao trong năm: 3.417.701.552 đồng, trong đó:
- + Dự toán giao đầu năm: đồng: 3.058.980.833 đồng

- + Dự toán bổ sung trong năm: đồng: 374.740.719 đồng
- + Kinh phí giảm trong năm: 16.020.000 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm: 3.429.850.521 đồng
- Kinh phí quyết toán: 3.429.850.521 đồng;
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng
- 2. Kinh nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2023 -2024: 93.095.000 đồng
 - Kinh phí quyết toán nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2023 -2024: 93.095.000 đồng;
- 3. Kinh nhận nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2023 -2024: 27.240.000 đồng
 - Kinh phí quyết toán nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2023 -2024: 27.240.000 đồng;
 - Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
 - Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng

VII.KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học: Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt

tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 51 đội viên mới trong năm học.

- HS vẽ tranh chủ đề: “Vẽ tranh của thiếu niên, nhi đồng về Chiến thắng Điện Biên Phủ và hình ảnh Điện Biên Phủ hôm nay”, ...

- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”

- Tham gia làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.

- HS tích cực tham gia viết thư UPU lần thứ 52, toàn trường chọn gửi 90 bức thư về BTC.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Nhà trường tuyên truyền tới ĐVCD hưởng ứng tốt các hoạt động từ thiện. Tích cực ủng hộ xây dựng các loại quỹ do các tổ chức phát động. Kết quả cụ thể như sau:

Kết quả ủng hộ các loại quỹ:

1. Ủng hộ quỹ vì người nghèo	550.000
2. Quỹ bảo trợ trẻ em	900.000
3. Hỗ trợ nông dân huyện Điện Biên	360.000
4. Nộp quỹ Hội chữ thập đỏ xã	260.000
5. Ủng hộ người cao tuổi xã	360.000
6. Hỗ trợ sim điện thoại cho người dân HDB	1.000.000
7. Quỹ phòng chống thiên tai	609.552
8. Ủng hộ làm nhà đại đoàn kết tỉnh Điện Biên	3.563.000
Tổng cộng	7.602.552

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường tôn tạo cảnh quan trường lớp học khang trang, sạch đẹp.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.

- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 17 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong năm xét cho 02 quần chúng ưu tú đi học lớp nhận thức về Đảng (đ/c Hoàng Thị Đào, Nguyễn Thị Hiền).

6. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lí CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL ngành đảm bảo tiến độ.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Yên Cang xã Sam Mứn theo phụ lục 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024)/.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Trang web nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Danh Tương